

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 95/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18/11/2020

V/v: “Tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái.

2. Nguyễn Văn Đoạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 315/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 116/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Tuyết L, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp T, xã S, huyện H, tỉnh K; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn V, sinh năm 1983; địa chỉ: Ấp T, xã M, huyện H, tỉnh K; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tuyết L trình bày:

Chị và chồng là anh Phạm Văn V tự tìm hiểu, quen biết và đi đến hôn nhân vào năm 2004 nhưng không có đăng ký kết hôn. Anh, chị chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp tính tình. Quá trình chung sống

anh, chị có hai đứa con chung tên là Phạm Thanh Th, sinh ngày 12/10/2005 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 06/02/2010, các con hiện đang sống với anh V. Về tài sản, nợ: Không có.

Chị khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh V. Chị chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cháu T, anh V chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Th, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Phạm Văn V trình bày: Anh xác định lời trình bày của chị L về hôn nhân, con chung, tài sản, nợ là đúng. Anh cho rằng hôn nhân giữa anh và chị L không còn hạnh phúc nữa nên anh đồng ý ly hôn. Anh đồng ý giao cháu T cho chị L nuôi dưỡng, anh sẽ chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Th, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản, nợ: Không có.

Chị L, anh V có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2020 cháu Nguyễn Thị Mỹ T có nguyện vọng được sống với mẹ khi cha, mẹ ly hôn.

Tại bản tự khai ngày 23/10/2020 cháu Phạm Thanh Th có nguyện vọng được sống với cha nếu cha, mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Tuyết L khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Phạm Văn V, giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Anh V với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại Ấp T, xã S, huyện H, tỉnh K nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Chị L, anh V có đơn yêu cầu xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của các anh, chị không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh, chị và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh, chị là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Chị L, anh V chung sống như vợ chồng từ năm 2004 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, anh, chị có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật nhưng không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì chị L và anh V không được công nhận là vợ chồng.

Về nuôi con: Chị L, anh V có 02 đứa con chung tên Phạm Thanh Th, sinh ngày 12/10/2005 và Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 06/02/2010. Quá trình giải quyết vụ án chị L, anh V thống nhất thỏa thuận chị L chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cháu T, anh V chịu trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Th. Tại các bản tự khai ngày 23/10/2020 cháu Th có nguyện vọng sống với cha, cháu T có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử (HĐXX) căn cứ quy định tại khoản 1, 2 Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình xử giao các cháu Th cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao cháu T cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành, trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị L, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị L, anh V có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu, không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về tài sản, nợ: Không có.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 266, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Khoản 1 Điều 14; khoản 1, 2 Điều 81; Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Tuyết L và anh Phạm Văn V là vợ chồng.

2. Về nuôi con:

Giao cháu Phạm Thanh Th, sinh ngày 12/10/2005 cho anh Phạm Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Thị Mỹ T, sinh ngày 06/02/2010 cho chị Nguyễn Thị Tuyết L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành, trừ trường hợp thay đổi người nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị L, anh V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí:

Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001222 ngày 07/10/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú